



# ĐÀO VÕ TRUNG KIÊN

## BERUFLICHE ZIELE

- Kurzfristige Ziele: Kurzfristig liegt mein Fokus auf der aktiven Einarbeitung und der schnellen Aneignung neuer Fachkenntnisse.
- Langfristige Ziele: Ich strebe an, durch die kontinuierliche Weiterentwicklung meiner Erfahrungen einen signifikanten Beitrag zum Erfolg des Unternehmens zu leisten. Mein Ziel ist es, mich in Deutschland unternehmerisch zu etablieren und hier eine langfristige berufliche Zukunft aufzubauen.

## AUSBILDUNG

- Van Lang Universität (2020-2024)
- Fachrichtung: Betriebswirtschaftslehre
- Abschlussnote: 2,68 von 4,00

## BERUFSERFAHRUNG

- 2021 (Erstes Studienjahr): Ich habe sechs Monate lang in einer Bäckerei gearbeitet.
- 2022 (Zweites Studienjahr): Ich habe fünf Monate lang als Kellner, Küchenhilfe und Barkeeper im Restaurant King BBQ gearbeitet.
- 2023 (Drittes Studienjahr): Ich bin in den 1. Bezirk gezogen, ein großes Stadtzentrum mit vielen ausländischen Touristen, und habe neun Monate lang im 3-Sterne-Hotel Queen Central als Rezeptionist im Nacht- und Frühdienst gearbeitet.
- 2024 (Abschlussjahr): Ich habe zwei Monate lang als Nachtrezeptionist im 3-Sterne-Hotel Amory & Apartment gearbeitet. Mein Chef erkannte mein Talent und bot mir an, mit ihm zusammen Marketing und Vertrieb zu studieren (vier Monate).
- 24.10.2024–15.10.2025 (Nach meinem Abschluss): Ich arbeitete vier Monate lang als Rezeptionist und Barkeeper im Saigon Style Hostel & Coffee. Anschließend wurde ich von meinem Chef zwei Monate lang zum Manager ausgebildet und übernahm diese Position sechs Monate lang. Dort war ich für die Rekrutierung und Einarbeitung neuer Mitarbeiter sowie für die Vermittlung von Rezeptions- und Barkeeperkenntnissen zuständig.
- 22.10.2025: Um mein Deutschstudium mit der Stelle als Nachtrezeptionist im Asian Ruby Hotel (3 Sterne) zu vereinbaren, bewarb ich mich.

## DEUTSCHER LERNPROZESS

- Mein erster Deutschkurs begann im Dezember 2024. Ich habe nun den A2-Kurs abgeschlossen und belege den B1-Kurs.



## PERSÖNLICHE DATEN

- Geschlecht: Männlich
- Geburtsdatum: 7.11.2002
- Telefonnummer: 0902729002
- Mail: daokien583@gmail.com
- Heimatstadt: Long An, Vietnam

## SPRACHE

- Vietnamesisch
- Englisch
- Deutsch

## FÄHIGKEIT

- Führungskompetenzen
- Kommunikationsfähigkeit
- Teamfähigkeit
- Stressresistenz und Flexibilität in wechselnden Situationen

## HOBBY

- Kochen
- Sport (Schwimmen, Fitnessstudio, Joggen,...)
- Lesen
- Entdeckungsreisen

## BERUFLICHE QUALIFIKATIONEN

- Verkaufen
- Kenntnisse in Getränkezubereitung
- Hotel- und Hostelrezeption

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness



VAN LANG UNIVERSITY

Has conferred the degree of

BACHELOR OF BUSINESS ADMINISTRATION

Upon

**Đào Võ Trung Kiên**

Date of birth: November 07, 2002

Year of graduation: 2024

Degree classification: Good

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

Cấp

**BẰNG CỬ NHÂN**  
QUẢN TRỊ KINH DOANH

Cho

**Đào Võ Trung Kiên**

Ngày sinh: 07 tháng 11 năm 2002

Năm tốt nghiệp: 2024

Hạng tốt nghiệp: Khá



TP. Hồ Chí Minh

Ngày 28 tháng 12 năm 2024

Số hiệu/No.: **VL-6BA010737**

Số vào sổ gốc cấp văn bằng/Reg. No.: 6B.05784.24



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. TRẦN THỊ MỸ DIỆU

## PHỤ LỤC VĂN BẰNG KẾT QUẢ HỌC TẬP

Họ và tên: **ĐÀO VÕ TRUNG KIÊN**Ngày sinh: **07/11/2002**Nơi sinh: **TP. Hồ Chí Minh**Mã số SV: **207QT19220**Ngày nhập học: **09/2020**Hình thức đào tạo: **Chính quy**Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**Năm tốt nghiệp: **2024**Trình độ: **Đại học**Chuyên ngành đào tạo (nếu có): **Quản trị doanh nghiệp**Ngôn ngữ đào tạo: **Tiếng Việt**Thời gian đào tạo chuẩn: **4 năm**Số hiệu văn bằng: **VL-6BA010737**Số vào sổ gốc cấp văn bằng: **6B.05784.24**Tốt nghiệp theo quyết định số: **2187/QĐ-ĐHVLT-ĐT, ngày 28 tháng 12 năm 2024**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Kết quả học tập		
				Thang điểm 10	Thang điểm 4	Thang điểm chữ
1	DMT0020	Môi trường và con người	2	8.4	3.4	B+
2	DPR0062	Kỹ năng mềm 2: Kỹ năng giao tiếp	1	8.9	3.6	A
3	DCT0080	Triết học Mác - Lênin	3	8.4	3.4	B+
4	DTA0015	Anh văn 1 (AV1)	3	5.0	2.0	D+
5	DTA0034	Anh văn 3 (AV3)	3	8.0	3.2	B+
6	DKT0010	Kinh tế vi mô	3	6.8	2.6	C+
7	DQT0010	Quản trị học	3	6.5	2.5	C+
8	DPR0041	Kỹ năng mềm 3: Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình	1	8.3	3.3	B+
9	DPR0200	Ảnh và kỹ thuật nhiếp ảnh	2	8.8	3.5	A
10	DTN0112	Toán ứng dụng trong kinh doanh	3	8.1	3.2	B+
11	DVH0050	Tiếng Việt thực hành	2	5.9	2.3	C
12	DXH0052	Tư duy phản biện	2	7.8	3.1	B
13	DXH0190	Nghệ thuật nói trước công chúng	2	5.0	2.0	D+
14	DCT0090	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	8.1	3.2	B+
15	DPL0010	Pháp luật đại cương	2	6.7	2.6	C+
16	DTA0024	Anh văn 2 (AV2)	3	5.6	2.2	C
17	DTA0044	Anh văn 4 (AV4)	3	6.1	2.4	C
18	DTH0012	Tin học cơ bản	2	5.0	2.0	D+
19	DQP0021	Giáo dục quốc phòng 1 (LT)	3	6.9	2.7	C+
20	DQP0040	Giáo dục quốc phòng 2 (LT)	2	6.6	2.5	C+
21	DQP0050	Giáo dục quốc phòng 3 (TH)	2	7.1	2.8	B
22	DQP0061	Giáo dục quốc phòng 4 (TH)	4	7.8	3.1	B
23	DGT0010	Giáo dục thể chất 1	2	9.1	3.6	A+
24	DAC0012	Nguyên lý kế toán	4	6.4	2.5	C
25	DKT0030	Kinh tế vĩ mô	3	5.3	2.1	D+
26	DTN0160	Thống kê kinh doanh	3	7.0	2.7	B
27	DTL0013	Nhập môn tâm lý học	2	7.5	3.0	B
28	DCT0100	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	7.1	2.8	B
29	DTA0590	Anh văn 6 (AV6)	3	5.3	2.1	D+
30	DKT0020	Marketing căn bản	3	6.1	2.4	C
31	DPL0031	Luật kinh tế	2	8.1	3.2	B+
32	DCT0030	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	6.7	2.6	C+
33	DTA0121	Anh văn 5 (AV5)	3	6.3	2.4	C
34	71PEVB10022	Bóng chuyền	2	7.5	3.0	B
35	DQT0070	Nhập môn quản lý hệ thống thông tin	3	7.2	2.8	B
36	DQT0470	Quản trị vận hành	3	7.1	2.8	B
37	DCT0110	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	6.9	2.7	C+
38	DQT0100	Quản trị tài chính	3	6.2	2.4	C
39	DQT0171	Giao tiếp trong kinh doanh	3	6.0	2.3	C
40	DQT0202	Hành vi tổ chức	3	7.4	2.9	B

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Kết quả học tập		
				Thang điểm 10	Thang điểm 4	Thang điểm chữ
41	DXH0060	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	9.0	3.6	A+
42	DTA0600	Anh văn 7 (AV7)	3	5.3	2.1	D+
43	DQT0490	Phân tích kinh doanh	3	8.1	3.2	B+
44	DQT0021	Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	3	5.8	2.3	C
45	DQT0041	Quản trị nguồn nhân lực	3	7.3	2.9	B
46	DQT0120	Quản trị chiến lược	3	5.8	2.3	C
47	DQT0110	Quản trị marketing	3	6.4	2.5	C
48	DQT0421	Bán hàng và quản trị bán hàng	3	5.9	2.3	C
49	DQT0130	Quản trị chất lượng	3	6.9	2.7	C+
50	DQT0354	Khởi nghiệp kinh doanh	3	8.4	3.4	B+
51	DKT0120	Kinh doanh quốc tế	3	5.7	2.2	C
52	DQT0390	Quản trị sự thay đổi trong tổ chức	3	6.2	2.4	C
53	DQT0330	Thực tập tốt nghiệp	2	8.3	3.3	B+
54	DCO0113	Quản lý chuỗi cung ứng	3	8.4	3.4	B+
55	DQT0480	Kỹ năng lãnh đạo	3	6.2	2.4	C
56	DQT0500	Quản lý hiệu quả và chế độ đãi ngộ	3	7.5	3.0	B
57	DQT0085	Quản trị rủi ro doanh nghiệp	3	5.5	2.2	C
58	DTL0460	Tâm lý học quản lý và lãnh đạo	3	7.5	3.0	B

Tổng số tín chỉ tích lũy: **138**

Điểm trung bình tích lũy: **2.68**

Hạng tốt nghiệp: **Khá**

Xếp hạng tốt nghiệp	Thang điểm 4
Xuất sắc	3.60 - 4.00
Giỏi	3.20 - 3.59
Khá	2.50 - 3.19
Trung bình	2.00 - 2.49

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 2024



\*PGS. TS. Trần Thị Mỹ Diệu

Zeugnisbewertung

## Zahlungsbestätigung | Payment confirmation

Sehr geehrte/r Vo Trung Kien Dao,

wir haben die Zahlung von EUR 208,00 für Ihren Antrag auf Zeugnisbewertung mit der Nummer LN2025/114280 erhalten.

Mit dem Eingang der Gebühr beginnt die Bearbeitungszeit für Ihren Antrag. Diese beträgt regulär 3 Monate. Für Anträge nach §81a AufenthG beträgt sie 2 Monate. Für Anträge auf Zeugnisbewertungen, die für Blue-Card-Visa benötigt werden, beträgt sie 2 Wochen. Falls Dokumente fehlen, informieren wir Sie. Bitte beachten Sie, dass sich die Bearbeitungszeit dadurch verlängert.

Mit freundlichen Grüßen

Ihre Zentralstelle für ausländisches Bildungswesen (ZAB)

---

Dear Vo Trung Kien Dao,

We have received the payment of EUR 208,00 for your application for a statement of comparability with the registration number LN2025/114280.

The processing time starts now. Regular applications will be processed within 3 months. Applications according to Section 81a Residence Act will be processed within 2 months. Applications for statements of comparability required for Blue Card visa will be processed within 2 weeks. If documents are missing, we will contact you. Please note that this will extend the processing time.

Sincerely,

Central Office for Foreign Education (ZAB)

**GIẤY CHỨNG NHẬN NGHỀ PHỔ THÔNG**

Họ và tên: **ĐÀO VÕ TRUNG KIÊN**

Sinh ngày: 07/11/2002

Nơi sinh: Tp. Hồ Chí Minh

Học sinh lớp: 8A4

Trường: THCS Long Hòa

Tốt nghiệp chương trình nghề phổ thông: **NẤU ĂN - CẤP THCS**

Xếp loại: **Giỏi**

Khóa thi ngày 15 tháng 5 năm 2016

Tại Hội đồng thi: TT.KTTH-HN: **CẦN ĐƯỚC**

Long An, ngày 18 tháng 8 năm 2016  
KT. GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
LONG AN  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
  
**HUỲNH THỊ HUỆ**

Vào sổ cấp GCN số: **013027A07**

Ngày 25 tháng 8 năm 2016